

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24/01/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phi Long

Ông Đỗ Xuân Hoài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025**, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh Trần Trung T, sinh năm 1991; nơi thường trú: tổ D, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** chị Đồng Thị Châu A, sinh năm 1997; nơi ĐKTT: tổ D, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Ulzburger Straße F, 22399 H, Cộng hòa Liên bang Đ. Vắng mặt (đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Trung T trình bày: anh Trần Trung T và chị Đồng Thị Châu A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 14/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ D, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2023, chị Châu A sang Đức làm việc, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, từ năm 2024, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T không còn tình cảm với chị Châu A, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh T được ly hôn chị Châu A để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: anh T và chị Châu A có một con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 15/5/2018, hiện nay con chung đang ở với anh T. Khi Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Châu A, anh T yêu cầu Tòa án giao con chung cho

anh T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không yêu cầu chị Châu A phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại đơn trình bày của bị đơn chị Đồng Thị Châu A (được hợp pháp hoá lãnh sự tại Đ tại Cộng hòa Liên bang Đ ngày 04/11/2024), thể hiện nội dung:* chị Châu A và anh Trần Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 14/12/2015. Năm 2024, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế, mâu thuẫn càng ngày càng nghiêm trọng và không còn cách tháo gỡ. Nay anh T làm đơn ly hôn, chị Châu A đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị Châu A và anh T được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị Châu A và anh T có một con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 15/5/2018, đang ở với anh T. Chị Châu A đồng ý để anh T nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, chị Châu A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Châu A chưa thể về Việt Nam, chị Châu A ủy quyền cho anh Trần Trung T nhận các văn bản, giấy tờ tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao, tổng đạt cho chị Châu A và thông báo cho chị Châu A biết.

Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Châu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Trung T và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, bị đơn chị Đồng Thị Châu A hiện đang sinh sống, làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn anh Trần Trung T vắng mặt tại phiên tòa, đã có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đồng Thị Châu A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã có đơn trình bày quan điểm và đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Trung T và chị Đồng Thị Châu A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tổ D, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2023, chị Châu A sang Đức sinh sống, làm việc; thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Từ năm 2024, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo anh T và chị Châu A trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Anh T không còn tình cảm với chị Châu A, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Châu A để ổn định cuộc sống, chị Châu A đồng ý ly hôn với anh T. Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: anh T và chị Châu A không còn sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Châu A.

[2.2] Về con chung: anh Trần Trung T và chị Đồng Thị Châu A có một con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 15/5/2018. Từ khi chị Châu A sang Cộng hòa Liên bang Đ sinh sống, làm việc, con chung ở nhà với anh T. Anh T và chị Châu A đều có quan điểm: khi ly hôn, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh T không yêu cầu chị Châu A phải cấp dưỡng cho con. Căn cứ quy định tại Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Châu A nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của anh T và chị Châu A về việc nuôi con chung như nêu trên. Chị Châu A có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh Trần Trung T và chị Đồng Thị Châu A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Trung T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trung T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Trung T được ly hôn với chị Đồng Thị Châu A.

[2] Về con chung: giao cho anh Trần Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khánh L, sinh ngày 15/5/2018 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đồng Thị Châu A không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Đồng Thị Châu A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị Đồng Thị Châu A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Trần Trung T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy anh Trần Trung T không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Đồng Thị Châu A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh Trần Trung T và chị Đồng Thị Châu A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: **anh Trần Trung T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005951 ngày 03/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.**

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Trần Trung T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; chị Đồng Thị Châu A biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng

